

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2018

*“V/v ly hôn, nuôi con
và cấp dưỡng nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thanh Nguyên.

2- Ông Nguyễn Quốc Đạm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lư Quốc Thịnh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 14/2018/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXX-ST, ngày 02 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Trần Quốc X, sinh năm 1995 (có mặt).

2- Bị đơn: Chị Danh Thị Bé D, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/11/2017 nguyên đơn anh Trần Quốc X trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh X và chị Danh Thị Bé D tự nguyện về chung sống với nhau vào ngày 26/8/2014 âm lịch, không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Đến ngày 17/11/2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống đến tháng 8 năm 2017 không biết nguyên nhân gì chị D tự bỏ nhà ra đi mang theo

đứa con không biết đi đâu và làm gì bản thân anh không liên lạc được từ đó cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên anh yêu cầu xin ly hôn với chị Danh Thị Bé D.

Về con chung: Có 01 đứa con tên Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 25/9/2015, hiện đang sống với chị D. Khi ly hôn anh yêu cầu xin được nuôi con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh X thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn chị Danh Thị Bé D Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị D vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Quốc X vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Danh Thị Bé D.

Về con chung: Anh thay đổi yêu cầu là anh đồng ý giao cháu Trần Thị Mỹ L cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi năm là 10.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/6/2018, phương thức cấp dưỡng mỗi năm 01 lần.

Về tài sản và nợ chung: Anh thừa không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, Danh Thị Bé D vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Quốc X xử cho anh Trần Quốc X và chị Danh Thị Bé D được ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Quốc X giao cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 25/9/2015 cho chị Danh Thị Bé D chăm sóc,

nuôi dưỡng. Anh X có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi năm là 10.000.000đ.

Về tài sản và phân nợ chung: Anh X thừa nhận không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Danh Thị Bé D đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với chị Danh Thị Bé D.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Trần Quốc X và chị Danh Thị Bé D tự nguyện về chung sống với nhau vào ngày 26/8/2014 âm lịch, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 175, ngày 17/11/2015 là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, sau khi vợ chồng chung sống đến tháng 8/2017 thì chị D đã bỏ nhà ra đi mang theo đứa con hiện nay không biết đi đâu và làm gì. Thể hiện tại biên bản xác minh ngày 21/01/2018 (BL 13) và trong quá trình giải quyết vụ án chị D cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh X.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh X xử cho anh Trần Quốc X và chị Danh Thị Bé D ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh Trần Quốc X và chị Danh Thị Bé D có 01 đứa con tên Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 25/9/2015, hiện chị D đang nuôi dưỡng. Anh X tự nguyện giao cháu Trần Thị Mỹ L cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi năm là 10.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/6/2018, phương thức cấp dưỡng

mỗi năm cấp 01 lần. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện của anh X là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản và nợ chung: Anh X thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí : Buộc anh Trần Quốc X phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng hai khoản tiền án phí anh X phải chịu là 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001366, ngày 29/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh X còn phải nộp thêm tiền án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Quốc X và chị Danh Thị Bé D được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Quốc X là giao cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 25/9/2015 cho chị Danh Thị Bé D tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh X có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi năm là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/6/2018, phương thức cấp dưỡng mỗi năm cấp 01 lần.

Anh X có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh X và chị D có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Anh X thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc anh Trần Quốc X phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng hai khoản tiền án phí anh X phải chịu là 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001366, ngày 29/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh X còn phải nộp thêm tiền án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

5. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh X có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/5/2018). Đối với chị D vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Tây Yên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Tâm

